

Số: 715/QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ
(Áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2017 trở về trước)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học thành viên và Khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường Đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 141/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;



Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức và quản lý trình độ tiến sĩ của trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan thuộc trường Đại học Quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUỐC TẾ**
HỒ CHÍ MINH
Đinh Đức Anh Vũ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2020

QUY ĐỊNH

Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo Quyết định số 715/QĐ-ĐHQT ngày 10 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Danh mục các từ viết tắt trong quy định:

- TS: Tiến sĩ
- NCS: nghiên cứu sinh
- ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
- ĐHQT: Đại học Quốc tế
- ĐTSĐH: Đào tạo Sau Đại học

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chương trình, tổ chức và đào tạo trình độ TS tại trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Quy định chung; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và đơn vị liên quan; luận án; đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định lại quá trình đào tạo; chất lượng luận án và cấp bằng TS; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Quy định áp dụng cho đối tượng là các đơn vị chuyên môn, NCS, giảng viên, cán bộ giảng dạy có tham gia trong chương trình đào tạo TS của trường ĐHQT.

3. Quy định này không áp dụng đối với chương trình đào tạo TS liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ TS là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Thời gian, hình thức, ngôn ngữ đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ TS đối với người có bằng thạc sĩ cùng ngành là ba năm tập trung; đối với người chỉ có bằng đại học cùng ngành là năm năm tập trung.

2. Trường hợp NCS không theo học tập trung và được cơ sở đào tạo chấp nhận thi chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian học tập và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung tại cơ sở đào tạo



để thực hiện đề tài nghiên cứu.

3. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo trình độ TS là tiếng Anh.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ TS nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS nâng cao khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà khoa học.

2. Phương pháp đào tạo trình độ TS được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn; coi trọng rèn luyện phương pháp và thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ TS gồm ba phần:

- a) Phần 1: Các học phần bổ sung;
- b) Phần 2: Các học phần ở trình độ TS, các chuyên đề TS và tiểu luận tổng quan;
- c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án TS.

Chương trình đào tạo trình độ TS được xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định tại Điều 5, 6, 7, 8 của Quy định này.

Điều 5. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, có khối lượng ít nhất 30 tín chỉ, chưa kể các môn Triết học và ngoại ngữ, NCS phải hoàn thành trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ TS.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ TS, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hiện tại, NCS phải học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ TS, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Hiệu trưởng quyết định các học phần NCS cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 6. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ TS giúp NCS cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

2. Các học phần ở trình độ TS là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Mỗi NCS phải hoàn thành các học phần ở trình độ sau đại học với tổng khối lượng từ 6 đến 12 tín chỉ.

3. Các chuyên đề TS đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi NCS phải hoàn thành các chuyên đề TS với tổng khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

4. Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

5. Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai chậm nhất 90 ngày trước kỳ tuyển sinh các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ TS của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà NCS cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của NCS.

Điều 7. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án TS. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ mà trường ĐHQT có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng để NCS viết luận án TS.

2. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án TS. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà nhà trường, người hướng dẫn tạo điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất thí nghiệm, đội ngũ để NCS tiến hành xong các nghiên cứu cần thiết. NCS phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. NCS được tạo điều kiện để tham gia đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học các cấp liên quan đến lĩnh vực đề tài luận án TS của NCS.

Điều 8. Luận án tiến sĩ

Luận án TS phải là một công trình nghiên cứu khoa học có tính mới trong lĩnh vực nghiên cứu, có đóng góp về mặt lý luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội. Luận án TS có khối lượng không vượt quá 200 trang A4, không tính phần phụ lục (nếu có). Các yêu cầu

cụ thể về nội dung, khối lượng, cấu trúc, cách thức trình bày luận án do đơn vị chuyên môn quy định.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Khi tiếp nhận NCS, căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn NCS và đơn vị chuyên môn đề xuất chương trình và kế hoạch học tập sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của NCS, trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo cho NCS thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của trường ĐHQT hoặc cơ sở đào tạo khác do nhà trường gửi đến học. Các học phần ở trình độ TS do nhà trường tổ chức thực hiện.

3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ cùng ngành, kể từ khi trúng tuyển, trong thời gian tối đa là 24 tháng, NCS phải hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ TS. Đối với NCS chỉ có bằng đại học cùng ngành, kể từ khi trúng tuyển, trong thời gian tối đa là 24 tháng, NCS phải hoàn thành phần 1; và tối đa là 48 tháng, NCS phải hoàn thành phần 2 của chương trình đào tạo trình độ TS.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, các chuyên đề TS và tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ TS, các chuyên đề TS và tiểu luận tổng quan được thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Hiệu trưởng quy định cụ thể thang đánh giá.

5. NCS không đảm bảo thời gian hoàn thành các học phần, các chuyên đề TS và tiểu luận tổng quan như quy định tại khoản 3 Điều này sẽ bị đình chỉ chương trình đào tạo TS liên quan. Trường hợp có đơn đề nghị, NCS được xem xét để hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng nếu đáp ứng các điều kiện đầu vào và yêu cầu học tập liên quan của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. Đơn vị chuyên môn có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề TS theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và quy định của trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, các chuyên đề TS và tiểu luận tổng quan của NCS; điều kiện để được xem xét cấp bằng thạc sĩ cho trường hợp bị đình chỉ chương trình đào tạo TS do chưa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 10. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài (nếu có) phải phù hợp với hướng nghiên cứu của chuyên ngành đào tạo trình độ TS mà NCS đang theo học và phải được Hiệu trưởng đồng ý.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn (nếu có) phải được thực hiện chậm

nhất 12 tháng trước khi kết thúc thời gian đào tạo chính thức và phải được Hiệu trưởng đồng ý.

3. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời gian đào tạo chính thức theo quy định còn ít nhất là một năm, được cơ sở đang đào tạo đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là NCS của cơ sở chuyển đến. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định các học phần hoặc các chuyên đề TS mà NCS đó cần bổ sung (nếu có).

4. NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời gian đào tạo chính thức, luận án đã được đơn vị chuyên môn thông qua để tiến hành bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

Nếu NCS không có khả năng hoàn thành phần 3 của chương trình đào tạo trong thời gian đào tạo chính thức thì chậm nhất 3 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn đề nghị gia hạn học tập và nghiên cứu, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn chỉ giải quyết khi NCS đã hoàn tất các học phần thuộc chương trình đào tạo TS và đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của trường ĐHQT. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

5. Khi NCS hoàn thành chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu, NCS có quyền đề nghị được bảo vệ sớm luận án. Hiệu trưởng xem xét quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS, đề nghị của người hướng dẫn, đề nghị của thủ trưởng đơn vị công tác và ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa hay cấp tương đương.

6. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn, nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo.

7. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại trường ĐHQT trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn, Hiệu trưởng đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ TS không được bảo lưu.

8. Hiệu trưởng quy định chi tiết về thủ tục, trình tự giải quyết và quyết định về các thay đổi trong quá trình đào tạo NCS.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt;



b) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị TS khoa học hoặc học vị TS phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ TS;

c) Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các công trình khoa học đã được công bố trên các tạp chí, hội nghị khoa học chuyên ngành hoặc ngành liên quan trong vòng 5 năm so với thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ TS.

2. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên:

a) Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan;

b) Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ người học trong học tập, nghiên cứu;

c) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của cơ sở đào tạo. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong đối xử với người học;

d) Có trách nhiệm phổ biến cho người học đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của môn học;

đ) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác;

e) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ TS theo quy định của nhà trường.

Điều 12. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 của Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

a) Nếu chỉ có học vị TS thì phải có thời gian nhận bằng TS ít nhất là 3 năm;

b) Có tên trong đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy trình độ TS của cơ sở đào tạo;

c) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận NCS mới theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi NCS có không quá hai người cùng hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, cần quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

3. Giáo sư, phó giáo sư, TS khoa học có quyền độc lập hướng dẫn NCS.

4. Giáo sư có thể hướng dẫn cùng lúc tối đa 5 NCS, phó giáo sư và TS khoa học có thể hướng dẫn cùng lúc tối đa 3 NCS, TS có thể đồng hướng dẫn cùng lúc tối đa 3 NCS ở tất cả các cơ sở đào tạo mà người đó được mời hướng dẫn, kể cả đồng hướng dẫn và không tính NCS đã hết thời gian đào tạo chính thức nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo đề nghị bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 5 Điều 10 của Quy chế này. Mỗi người hướng dẫn có không quá 2 NCS của cùng một khóa.

5. Khi một người hướng dẫn có 2 NCS không hoàn thành luận án trong thời gian đào tạo quy định vì lý do chuyên môn thì sẽ tạm thời không được nhận thêm NCS. Khi có đến 3 NCS không hoàn thành luận án mà không có lý do chính đáng, người hướng dẫn sẽ không được nhận hướng dẫn NCS trong thời gian ít nhất là 2 năm.

6. Nhà trường tạo điều kiện mời các nhà khoa học ở nước ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn NCS.

Điều 13. Nhiệm vụ của người hướng dẫn

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của NCS.
2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ TS bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ TS, các chuyên đề TS cho NCS; đề xuất với đơn vị chuyên môn đề trình Hiệu trưởng quyết định.
3. Lên kế hoạch tháng, quý, năm làm việc với NCS. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp NCS công bố các kết quả nghiên cứu.
4. Giúp đỡ NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu để tham gia giảng dạy, và nghiên cứu khoa học (nếu NCS được đơn vị chuyên môn phân công tham gia giảng dạy).
5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi đơn vị chuyên môn.
6. Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.
7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của nhà trường.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của NCS

1. Trong quá trình đào tạo, NCS là thành viên của đơn vị chuyên môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với đơn vị chuyên môn.
2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS phải thường xuyên làm việc chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn; viết báo cáo khoa học; tham gia các hoạt động khoa học theo quy định của cơ sở đào tạo; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với tập thể người hướng dẫn và trình bày báo cáo trước đơn vị chuyên môn theo lịch do đơn vị chuyên môn quy định, ít nhất 2 lần một năm (tính cả các lần báo cáo chuyên đề TS).
3. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải có ít nhất 2 bài báo khoa học (NCS là tác giả chính) công bố hoặc được nhận đăng kết quả thực hiện đề tài luận án trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị khoa học trong hoặc ngoài nước. Các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị khoa học phải thuộc danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước quy định cho ngành liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Các bài báo khoa học này phải có ghi tên trường ĐHQT là đơn vị chủ quản của NCS và được tập thể cán bộ hướng dẫn chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài.
4. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại trường theo sự phân công của đơn vị chuyên môn.
5. Vào đầu mỗi năm học, NCS phải nộp đề cương học tập năm học mới cho đơn vị chuyên môn, bao gồm: báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu (những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu; tình hình công bố kết quả nghiên cứu); kế hoạch



học tập, nghiên cứu trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá.

6. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp cơ sở đào tạo trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn (Khoa/Bộ môn)

1. Tổ chức đề Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của người dự tuyển. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển NCS trình Hiệu trưởng quyết định tuyển chọn.

2. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa hoặc cấp tương đương trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ TS bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và TS; các chuyên đề TS; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS.

3. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và NCS, để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công NCS tham gia giảng dạy, tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

4. Quy định lịch báo cáo định kỳ ít nhất 2 lần một năm để NCS báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu; trao đổi với tập thể cán bộ hướng dẫn để nắm tình hình học tập, tiến độ nghiên cứu, kết quả đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập và nghiên cứu đối với từng NCS.

5. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

6. Có các biện pháp quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của NCS.

7. Tổ chức đánh giá luận án của NCS ở cấp đơn vị chuyên môn, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của phòng Đào tạo Sau Đại học

1. Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết về tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý NCS, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng TS và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ TS trên cơ sở Quy chế đào tạo TS do ĐHQG-HCM ban hành.

2. Trong công tác tuyển sinh, Phòng ĐTSĐH giúp Hiệu trưởng:

a) Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Trường theo từng ngành đào tạo và báo cáo ĐHQG-HCM;

b) Trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, tổ chức tuyển sinh hàng năm tuân thủ các quy định của Quy chế đào tạo TS.

3. Trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo, Phòng ĐTSĐH có nhiệm vụ:

a) Kết hợp với Khoa và các Bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo;

b) Trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách cán bộ hướng dẫn kèm theo danh mục các đề tài nghiên cứu, hướng hay lĩnh vực nghiên cứu. Công bố danh sách và danh mục trên trang web của Phòng ĐTSĐH;

c) Trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, cán bộ hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS;

d) Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt, tổ chức cho NCS bảo vệ luận án cấp trường;

đ) Trình Hiệu trưởng ra quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, cán bộ hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS;

e) Trình Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng TS;

g) Quản lý trang thông tin điện tử (trang web ĐTSĐH), công khai và cập nhật các thông tin:

- Tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) ngay từ khi chuẩn bị bảo vệ;

- Danh sách NCS hàng năm, danh sách NCS đã được cấp bằng TS;

- Các đề tài nghiên cứu do NCS đang thực hiện.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo ĐHQG-HCM về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận NCS trúng tuyển;

b) Đầu tháng 12 hàng năm, báo cáo ĐHQG-HCM về công tác đào tạo TS của cơ sở, những thay đổi về NCS trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS năm sau;

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo ĐHQG-HCM danh sách trích ngang NCS bảo vệ trong 2 tháng vừa qua;

d) Các báo cáo khác theo quy định của ĐHQG-HCM và Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Các tài liệu, hồ sơ của mỗi NCS, của Trường liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, xét tốt nghiệp và cấp bằng TS được bảo quản và lưu trữ tại Phòng ĐTSĐH theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 17. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

Luận án TS được tiến hành đánh giá qua hai cấp gồm: cấp đơn vị chuyên môn và cấp cơ sở đào tạo khi luận án đạt được các yêu cầu sau:

1. Luận án TS phải do NCS thực hiện và phải là một công trình NCKH độc đáo, sáng tạo, có đóng góp mới về mặt lý luận hoặc giải pháp công nghệ, chứa đựng những tri thức mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của ngành/chuyên ngành hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội.

2. Luận án phải được trình bày đúng theo định dạng, cấu trúc và nguyên tắc trích dẫn được Khoa/Bộ môn quy định nhằm đảm bảo sự trình bày khoa học, rõ ràng và thống nhất. Trong đó, mỗi dung luận án tiến sĩ phải gồm có: mở đầu; tổng quan tình hình nghiên cứu, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; cơ sở lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, bàn luận; kết luận và kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo; danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục (nếu cần).

3. Yêu cầu về kết quả:

a) Vận dụng lý luận khoa học cơ bản để phân tích các quan điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án;

b) Chỉ ra được những đóng góp mới về mặt học thuật, xây dựng giả thuyết mới hoặc đề xuất các giải pháp mới có ý nghĩa khoa học để giải quyết các mục tiêu mà luận án đặt ra và chứng minh chúng bằng lý luận khoa học kết hợp với thực nghiệm;

c) Có công bố khoa học theo yêu cầu của từng chuyên ngành;

d) Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được công bố, hoặc được chấp nhận đăng trong ít nhất hai bài báo có phản biện khoa học độc lập trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị khoa học trong và ngoài nước. Các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị khoa học phải thuộc danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước quy định cho ngành liên quan đến ngành đào tạo.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

5. Ngôn ngữ để viết và trình bày luận án là tiếng Anh, có báo cáo tóm tắt bằng tiếng Việt.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

Điều 18. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để NCS được đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học gồm các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ TS quy định tại Điều 4, khoản 3 và Điều 5, 6 Quy định này.

b) Trước khi bảo vệ luận án cấp chuyên môn, NCS phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

- Bằng tốt nghiệp Đại học, thạc sĩ học TS tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là ngoại ngữ chuyên ngành;

- Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc TS ở trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là ngoại ngữ chuyên ngành không qua phiên dịch;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ sau: IELTS 5.5; TOEFL iBT 60; VNU-EPT 251, TOFEL ITP 450

c) Tập thể hoặc người hướng dẫn NCS có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án.

d) Luận án đáp ứng yêu cầu tại Điều 8 và Điều 17 của Quy chế này.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn gồm từ 5 đến 7 thành viên, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị TS khoa học hoặc học vị TS, am hiểu lĩnh vực đề tài luận án, trong đó có tối đa 5 thành viên (đối với hội đồng có 7 thành viên) hoặc tối đa 3 thành viên (đối với hội đồng có 5 thành viên) là cán bộ khoa học thuộc trường ĐHQT. Những người là người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của NCS không được tham gia Hội đồng. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Đơn vị chuyên môn tạo điều kiện mời các nhà khoa học ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Số thành viên Hội đồng có mặt ít hơn năm người;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp cơ sở đào tạo, Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp cơ sở đào tạo khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được ít nhất 6/7 hoặc 5/6 hoặc 4/5 số thành viên Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn,

Trưởng đơn vị chuyên môn lập hồ sơ gửi Hiệu trưởng đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo.

Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của NCS:

1. Biên bản chi tiết nội dung thảo luận và kết luận của các phiên họp đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;
2. Trường hợp NCS phải hoàn thiện luận án sau các phiên họp Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn, hồ sơ phải kèm các bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS;
3. Các bản nhận xét của hai người phản biện luận án đối với từng phiên họp Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn;
4. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);
5. Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ (trường hợp NCS không có bằng thạc sĩ), các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ TS, các chuyên đề TS, điểm tiêu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của NCS;
6. Bản sao quyết định công nhận NCS và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
7. Bản kê khai danh mục và sao chụp các bài báo đã công bố hoặc nhận đăng liên quan đến đề tài luận án của NCS;
8. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);
9. Luận án và tóm tắt luận án;
10. Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên NCS và khóa đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; tóm tắt những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của NCS.

Điều 20. Phản biện độc lập luận án

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, Hiệu trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài luận án của NCS, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án TS và quyết định cho NCS bảo vệ luận án. Cơ sở đào tạo tạo điều kiện lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

2. Thành viên phản biện độc lập cho luận án phải được bảo mật cho đến khi trường ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập; các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình.

3. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo cho NCS. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp cơ sở đào tạo.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp đơn vị chuyên môn nếu cả hai phản biện

độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp đơn vị chuyên môn. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 2 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Ngay sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, danh sách phản biện độc lập phải được in trên trang bìa phụ của quyển luận án và bản tóm tắt luận án.

6. Hiệu trưởng quy định chi tiết yêu cầu đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với các cá nhân có liên quan trong việc bảo vệ sự độc lập cho phản biện độc lập.

Điều 21. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo gồm từ 5 đến 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị TS khoa học hoặc học vị TS, am hiểu lĩnh vực đề tài luận án của NCS, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Số thành viên thuộc trường ĐHQT không quá 3 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 người phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 20 của Quy chế này và phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học liên quan. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS.

3. Những người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của NCS không được tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

4. Hiệu trưởng quy định chi tiết về các yêu cầu, điều kiện đối với từng chức danh trong Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

Điều 22. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho NCS.

2. Hiệu trưởng quy định các điều kiện tổ chức cho NCS bảo vệ luận án, đảm bảo nguyên tắc:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, đề tài luận án của NCS đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của trường ĐHQT, trang web của ĐHQG HCM, trên bảng tin của cơ sở đào tạo và của đơn vị chuyên môn, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

b) Luận án, bản tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng. Bản tóm tắt luận án đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện cơ sở đào tạo ít nhất 30 ngày trước



ngày bảo vệ. Bản tóm tắt luận án và giới thiệu luận án đã được đăng tải công khai trên trang web của cơ sở đào tạo và trang web của ĐHQG-HCM trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài bảo vệ mật;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến cơ sở đào tạo 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án. Hiệu trưởng quy định chi tiết về yêu cầu đối với bản nhận xét luận án của các phản biện và thành viên của Hội đồng.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Số thành viên Hội đồng có mặt ít hơn năm người;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, vì lý do sức khỏe không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

5. Trong thời hạn tối đa là 90 ngày kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 10 và Điều 19 của Quy định này. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án lần đầu.

Điều 23. Tổ chức bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có ít nhất 6/7 hoặc 5/6 hoặc 4/5 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành. Hiệu trưởng quy định cụ thể về thủ tục, trình tự, yêu cầu đối với phiên họp của Hội đồng và đối với việc đánh giá luận án của từng thành viên Hội đồng: cách thức đánh giá; nội dung đánh giá cụ thể về mức độ đạt được so với các yêu cầu về nội dung, kết quả nghiên cứu và hình thức luận án theo quy định đã có của cơ sở đào tạo.

3. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng TS cho NCS.

4. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại cơ sở đào tạo và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam. Thời gian để NCS hoàn thành việc bổ sung sửa chữa và nộp luận án tại cơ sở đào tạo và Thư viện Quốc gia Việt Nam tối đa là 30 ngày.

Điều 24. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đặc biệt nếu đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ, Ngành; hoặc liên quan đến sở hữu trí tuệ của cá nhân hoặc tổ chức thì Thủ trưởng Bộ, Ngành, cá nhân hoặc tổ chức có văn bản đề nghị Hiệu trưởng xác định tính chất mật của luận án ngay từ khi bắt đầu triển khai đề sau này có cơ sở xem xét cho luận án bảo vệ theo chế độ mật; quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến nghiên cứu và thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Trường phải báo cáo và được ĐHQG-HCM đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức cho NCS bảo vệ luận án theo chế độ mật.

2. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và cấp cơ sở đào tạo, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị Hiệu trưởng xem xét.

3. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, buổi bảo vệ của NCS không



HỒ CHỢ

được thông báo công khai trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai.

4. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với NCS.

Điều 25. Đánh giá lại luận án ở cấp cơ sở đào tạo

1. Nếu luận án chưa được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua thì NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Thủ tục và trình tự tổ chức cho NCS bảo vệ lại luận án được thực hiện như lần bảo vệ lần thứ nhất.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 26. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 30% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua trong báo cáo của cơ sở đào tạo.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

Điều 27. Hồ sơ và quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Các quy định về hồ sơ, quy trình thẩm định, hội đồng thẩm định và xử lý kết quả thẩm định được thực hiện theo các Điều 40, 41 và 42 của Quy chế đào tạo trình độ TS ban hành kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 28. Cấp bằng tiến sĩ

1. Khi đến thời hạn xét cấp bằng TS, NCS phải nộp cho thư viện của cơ sở đào tạo và Thư viện Quốc gia Việt Nam bản luận án và bản tóm tắt luận án đã được hoàn thiện (bao gồm bản in trên giấy và bản ghi trên đĩa CD), kể cả các luận án bảo vệ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Bản luận án nộp các thư viện gồm hai phần:

a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo (nếu có);

b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo và danh sách thành viên Hội đồng.

- Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng.

- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo. Có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

3. Hồ sơ xét cấp bằng TS của NCS bao gồm:

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của NCS cho từng câu hỏi;

b) Nghị quyết của Hội đồng;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn NCS;

e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;

g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);

i) Bản in trang thông tin Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang web của ĐHQG-HCM;

j) Đạt yêu cầu về chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định của trường ĐHQG;

k) Các tài liệu khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Hồ sơ này phải được lưu trữ lâu dài tại cơ sở đào tạo.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trước khi ra quyết định công nhận học vị và cấp bằng TS cho NCS.

5. Phòng ĐTSĐH công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng trên trang thông tin điện tử và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập, hồ sơ cấp bằng của NCS theo quy định.



Chương VII
THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng TS.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 30. Thanh tra, kiểm tra

1. Phòng Thanh tra Pháp chế thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ TS theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: Quá trình đào tạo, phản biện độc lập, đánh giá luận án các cấp... Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được trường thông báo cho Khoa/Bộ môn bằng văn bản.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Việc thu hồi bằng TS được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận NCS;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu theo Điều 17 của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Điều 41 của Quy chế đào tạo trình độ TS ban hành kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 10 tháng 9 năm 2010 của ĐHQG-HCM.

2. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 1 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này được áp dụng cho các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận NCS kể từ năm 2017 trở về trước.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này. /